



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 02)

LIST OF ACCREDITED TESTS (NUMBER 02)

*(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm: **Khoa Cận Lâm sàng**
Laboratory: Department of Clinical

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng**
Organization: Cao Bằng's centre for disease control

Số hiệu/ Code: **VILAS 747**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Hóa, Sinh**
Chemical, Biological

Người quản lý:
Laboratory manager: **Nông Văn Danh**
Nong Van Danh

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày /05/2026 đến ngày 12/11/2029**

Địa chỉ:
Address: **Tổ dân phố 30, Phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng**
Residential group No 30. Nung Tri Cao ward, Cao Bang Province

Địa điểm:
Location: **Tổ dân phố 30, Phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng**
Residential group No 30. Nung Tri Cao ward, Cao Bang Province

Điện thoại/ Tel: **0206 3 852 815**

Email: **trungtamkiemsoatbenhtat@caobang.gov.vn**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 02)*LIST OF ACCREDITED TESTS (NUMBER 02)***VILAS 747****Khoa Cận Lâm sàng****Department of Clinical****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch, nước uống đóng chai <i>Domestic water, bottled drinking water</i>	Xác định hàm lượng Asen Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Arsenic content GF-AAS method</i>	0,004 mg/L	SMEWW 3113 B: 2023
2.		Xác định hàm lượng Kẽm Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS) <i>Determination of Zinc content F-AAS method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
3.		Xác định hàm lượng Đồng Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS) <i>Determination of Copper content. F-AAS method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
4.		Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS) <i>Determination of Iron content F-AAS method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
5.		Xác định hàm lượng Chì Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Lead content GF-AAS method</i>	0,002 mg/L	SMEWW 3113 B: 2023
6.		Xác định hàm lượng Cadmi Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Cadmium content GF-AAS method</i>	0,001 mg/L	SMEWW 3113 B: 2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 02)*LIST OF ACCREDITED TESTS (NUMBER 02)***VILAS 747****Khoa Cận Lâm sàng****Department of Clinical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Nước sạch, nước uống đóng chai <i>Domestic water, bottled drinking water</i>	Xác định tổng số Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum of calcium and magnesium EDTA Titrimetric method</i>	5 mg/L	TCVN 6224:1996
8.		Xác định pH <i>Determination of pH</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
9.		Xác định chỉ số Pemanganat <i>Determination of Permanganate index</i>	0,5 mg/L	TCVN 6186:1996
10.		Xác định độ đục <i>Determination of turbidity</i>	0,05 NTU	TCVN 12402-1:2020
11.	Chè <i>Tea</i>	Xác định hao hụt khối lượng ở 103 ⁰ C <i>Determination of loss in mass at 103⁰C</i>		TCVN 9741:2013
12.		Xác định hàm lượng tro tổng số <i>Determination of total ash content</i>		TCVN 9742:2013

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard.*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 02)

LIST OF ACCREDITED TESTS (NUMBER 02)

VILAS 747

**Khoa Cận Lâm sàng
Department of Clinical**

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm <i>Food</i>	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C. <i>Enumeration of microorganisms. Colony count technique at 30⁰C</i>		TCVN 4884-1:2015
2.		Định lượng Coliform. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất. <i>Enumeration of Coliforms. Most probable number technique</i>		TCVN 4882:2007
3.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định. Kỹ thuật đếm có xác suất lớn nhất. <i>Enumeration of presumptive Escherichia coli Most probable number technique</i>		TCVN 6846:2007
4.		Định lượng Staphylococci (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch. Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Enumeration of coagulase-positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species). Technique using Baird-Parker agar medium</i>		TCVN 4830-1:2005
5.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms. Colony-count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 02)*LIST OF ACCREDITED TESTS (NUMBER 02)***VILAS 747****Khoa Cận Lâm sàng****Department of Clinical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
6.	Thực phẩm <i>Food</i>	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-Bromo-4-clo-3-indolyl β -d-Glucuronid. <i>Enumeration of β-glucuronidase positive Escherichia coli Colony-count technique 44°C Cusing 5-Bromo-4-clo-3-indolyl β-d-Glucuronide.</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
7.	Nước sạch, nước uống đóng chai <i>Domestic water, bottled drinking water</i>	Định lượng vi khuẩn Coliform Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Coliform bacteria. Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019
8.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Escherichia coli Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard.*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater.*
- ISO: Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá/*International Organization for Standardization*

Trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Cao Bằng's center for disease control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

